

Bản án số: **52/2026/HS-ST**
Ngày: 06-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Hồng
+ Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026 đối với:

Bị cáo: **Trần Ngọc L**, tên gọi khác: Đùm, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1984 tại Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: P, nhà B, chung cư P, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc L1 (sinh năm: 1958) và bà Trần Thị M (sinh năm: 1958).

Tiền án:

- Ngày 11/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 115/2018/HS-PT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/7/2019.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/3/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 57/2010/HS-PT.

- Ngày 29/6/2024 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 103/2024/HS-ST.

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam A – Bộ C1. *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1983; Địa chỉ: G N, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Văn C, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận L (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

+ Ông Lê Trí T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ E phường A, thành phố Đà Nẵng – Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh ĐắkLak – Bộ C1. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h ngày 19/12/2023, Nguyễn Văn C mượn xe BKS 43F1-234.56 của chị Nguyễn Thị Thanh N để đi uống café với Trần Ngọc L tại đường L thuộc phường C, thành phố Đà Nẵng. Trong lúc ngồi chơi thì L hỏi mượn C 01 xe mô tô hiệu Jupiter BKS 43F1-234.56 để đi công việc khoảng 15 phút, C ngồi chơi nhưng không thấy L quay lại. Sau đó vài ngày, C liên lạc với L để đòi lại xe nhưng L không trả. Đến khoảng đầu tháng 1/2024, do nợ tiền Lê Trí T nên L đề nghị T giữ xe mô tô hiệu Jupiter BKS 43F1-234.56 để làm tin, khi nào có tiền L sẽ trả cho T và lấy lại xe. T đồng ý và đem xe về cất tại nhà riêng. Sau đó, T sử dụng xe mô tô trên để đi nhậu và để xe trên vỉa hè đường B, thành phố Đà Nẵng để đón xe khác về nhà. Hôm sau, T quay lại tìm thì không thấy xe nữa. Do không có giấy tờ xe nên T không trình báo cơ quan chức năng, hiện xe mô tô trên vẫn chưa được thu hồi.

* Kết luận định giá tài sản số 274/KL-HĐĐGTS của HĐ định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự ngày 16/10/2025 của UBND thành phố Đ xác định: Giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu vàng đen, biển số 43F1-23456 tại thời điểm ngày 19/12/2023 là 6.000.000 đồng. (BL 30-33)

Tại Cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Ngọc L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc L phạm tội phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc L mức án 12 tháng – 15 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại bà Nguyễn Thị Thanh N và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo Trần Ngọc L bồi thường thiệt hại giá trị đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu vàng đen, biển số 43F1-23456, với giá trị 20.000.000 đồng tại thời điểm ngày 19/12/2023.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C đã thống nhất với Kết luận định giá tài sản số 274/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND thành phố Đ, xác định giá trị chiếc xe nêu trên tại thời điểm 19/12/2023 là 6.000.000 đồng. Bị cáo Trần Ngọc L đã vận động gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.000.000 đồng và số tiền còn lại ông C đã thỏa thuận xong với người nhà bị cáo, nên tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu bồi thường và không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Do đó, đại diện Viện kiểm sát không đặt ra việc xem xét đối với nội dung này.

Bị cáo Trần Ngọc L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 19/12/2023, tại phường C, thành phố Đà Nẵng, Trần Ngọc L đã có hành vi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 43F1-234.56 của chị Nguyễn Thị Thanh N trị giá 6.000.000 đồng để sử dụng, sau đó cần nợ cho Lê Trí T.

Hành vi trên của Trần Ngọc L đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng 71/CT-VKS ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản. Mặc dù giá trị tài sản không lớn 6.000.000 đồng, nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và làm giảm sự tin cậy trong các quan hệ dân sự. Do đó, cần có hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, bị cáo đã từng nhiều lần bị kết án về các tội danh khác nhau, cụ thể: năm 2010 bị xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích”, năm 2018 bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, gần nhất năm 2024 bị xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện đang chấp hành án phạt tù. Điều này cho thấy bị cáo chưa thực sự ý thức đầy đủ việc tuân thủ pháp luật, cần tiếp tục được giáo dục, răn đe. Bên cạnh đó, bị cáo đến nay vẫn chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại, thể hiện việc khắc phục hậu quả còn hạn chế, nên cần được xem xét khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: “Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (tái phạm), do trước đó đã bị xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 115/2018/HS-PT ngày 11/7/2018, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/7/2019 nhưng chưa bồi thường thiệt hại.”

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; đồng thời người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các tình tiết này để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của bị hại Nguyễn Thị Thanh N là ông Nguyễn Văn C đã thỏa thuận xong với người nhà bị cáo về mức và thời gian bồi thường, nên tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu bồi thường và không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết nên không đề cập.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Hiện nay, bị cáo Trần Ngọc L đang chấp hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày 20 tháng 02 năm 2024 theo Bản án số 103/2024/HS-ST ngày 29/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Đà Nẵng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4, Đà Nẵng). Do đó, căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt tại Bản án số 103/2024 ngày 26/9/2024 nêu trên.

[7] Đối với hành vi của Lê Trí T có tạm thời giữ tài sản của Trần Ngọc L để cầm nợ nhưng T không biết đây là tài sản do L chiếm đoạt của chị N. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Đối với việc Lê Trí T bị mất xe mô tô hiệu Jupiter, màu vàng đen, biển số 43F1-234.56 tại khu vực đường B, thuộc phường A, thành phố Đà Nẵng, thời điểm bị mất T không có giấy tờ xe nên không đến trình báo cơ quan chức năng, sau đó T bị bắt vì phạm tội khác, nên hiện nay đang thi hành án phạt tù tại Trại tạm giam Xuân P, do chưa có đơn tố giác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ sẽ xem xét xử lý sau là có căn cứ.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc L **01** (một) năm tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án số 103/2024/HS-ST ngày 29/6/2024 của Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, Đà Nẵng (nay là Toà án nhân dân Khu vực 4, Đà Nẵng). Buộc bị cáo Trần Ngọc L chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là **03 năm 06 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/02/2024.

2. Về án phí:

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm .

3. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người TGTT;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Cơ quan thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/5/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an Thành phố Đ. *Có mặt điểm cầu Trại tạm giam Công an thành phố Đ.*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Hồng G, sinh năm: 1975; Địa chỉ: K T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng; *Có mặt.*

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Huỳnh Kim T1, sinh năm: 1997, địa chỉ: Tổ A, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

+ Anh Lê Văn L2, sinh năm: 1990, địa chỉ: Tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 28/5/2023, K có nhu cầu sử dụng ma túy nên liên lạc với người tên T2 (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) để hỏi mua 05 viên ma túy thuốc

lắc với số tiền 300.000 đồng/viên và nửa hộp năm ma túy khay với số tiền 3.000.000 đồng và hẹn giao ma túy tại đường B, thành phố Đà Nẵng. K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43S9-0164 đến điểm hẹn lấy 01 bao thuốc lá hiệu Crave Demi, bên trong có khẩu trang màu trắng chứa 01 gói ma túy khay và 05 viên thuốc lắc cất giấu vào túi áo rồi đi tìm nơi sử dụng. Vào khoảng 17 giờ cùng ngày, K đến tầng hầm khách sạn S ở số C N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng để gói ma túy xuống nền gần nơi để xe mô tô 43S9-0164 rồi đi lên thuê phòng thì bị Đội Cảnh sát điều tra Tội phạm về ma túy Công an quận T bắt quả tang, thu giữ dưới nệm đất có 01 gói khẩu trang màu trắng, bên trong khẩu trang có 01 gói ni lông kích thước 04cm x 04cm chứa tinh thể màu trắng ký hiệu G1 và 01 gói ni lông kích thước 04cm x 07cm chứa 05 viên nén màu da cam hình tam giác ký hiệu G2, K khai nhận là ma túy khay và ma túy thuốc lắc của K cất giấu nhằm mục đích sử dụng. Ngoài ra, còn thu giữ một số vật chứng liên quan.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của K nhà số K T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Qua thử test nước tiểu: Lê Hồng K âm tính với ma túy.

Theo Kết luận giám định số 456/KL-KTHS ngày 02/6/2023 của Phòng K1 Công an thành phố Đ xác định:

+ Mẫu tinh thể màu trắng đựng trong phong bì niêm phong có ký hiệu G1 gửi giám định là ma túy loại Ketamine, khối lượng G1: 1,490 gam

+ Mẫu viên nén trong bì niêm phong ký hiệu G2 gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng mẫu G2: 1,568 gam.

Vật chứng tạm giữ:

+ Qua điều tra xác định, xe mô tô hiệu Yamaha biển kiểm soát 43S9-0164 số khung RLCM4P8307Y003433, số máy 003433 do ông Hoàng Nhật T3 trú: số 32 H, thành phố Đà Nẵng đứng tên chủ sở hữu mua năm 2009. Qua xác minh, ông T3 đã chuyển khẩu đi khỏi địa phương. Ngày 14/01/2020, ông Lê Hồng G mua xe từ anh Hồ Ngọc T4 (*sinh năm: 1979, trú: Tổ E, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng*) có giấy tờ mua bán xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Ngày 28/5/2023, K sử dụng xe để đi mua ma túy thì ông G không biết.

+ Mẫu vật hoàn trả sau kết luận giám định số 456/KL-KTHS ngày 02/6/2023 của Phòng K1 Công an thành phố Đ; 01 vỏ bao thuốc lá Craven Demi; 01 khẩu trang trắng; 01 áo khoác màu trắng có chữ Adidas; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc số imei 359218078823312, gắn sim 0899247943.

Tại Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Hồng K về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Hồng K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng K mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật và mẫu ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 456/KL-KTHS ngày 02/6/2023, có đóng dấu giáp lai của Phòng K1 Công an thành phố Đ; 01 khẩu trang trắng; 01 áo khoác màu trắng có chữ Adidas; 01 vỏ bao thuốc lá Craven Demi.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc số imei 359218078823312, gắn sim 0899247943.

+ Trả lại cho ông Lê Hồng G 01 xe mô tô hiệu Yamaha, gắn BKS: 43S9-0164.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hồng K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã biết hối hận và hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hồng K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 28/5/2023 tại tầng hầm khách sạn S số C N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Lê Hồng K có hành vi tàng trữ trái phép 1,490 gam ma túy loại Ketamine và 1,568 gam ma túy MDMA mục đích để sử dụng cá nhân thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang.

Do đó hành vi của Lê Hồng K đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng

số số 105/CT-VKS ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Hồng K có tính chất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền trong việc quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy đang là tệ nạn của xã hội, là nguyên nhân của các tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của con người, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, nhưng vì thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân nên bị cáo đã phạm tội.

Do vậy, hình phạt đối với bị cáo phải thỏa đáng và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

- Mẫu vật và mẫu ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 456/KL-KTHS ngày 02/6/2023, có đóng dấu giáp lai của Phòng K1 Công an thành phố Đ là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- + 01 khẩu trang trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Craven Demi là vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- + 01 áo khoác màu trắng có chữ Adidas là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy;

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc số imei 359218078823312, gắn sim 0899247943 là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- + 01 xe mô tô hiệu Yamaha, gắn BKS: 43S9-0164 không liên quan đến việc bị cáo phạm tội nên trả lại cho ông Lê Hồng G.

[7] Đối với người tên T2 bán ma túy cho Lê Hồng K, do chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng K 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ Mẫu vật và mẫu ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 456/KL-KTHS ngày 02/6/2023, có đóng dấu giáp lai của Phòng K1 Công an thành phố Đ;

+ 01 khẩu trang trắng;

+ 01 vỏ bao thuốc lá Craven Demi;

+ 01 áo khoác màu trắng có chữ Adidas;

- *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:*

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc số imei 359218078823312.

Trả lại cho ông Lê Hồng G 01 xe mô tô hiệu Yamaha, gắn BKS: 43S9-0164.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 8 năm 2023).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Hồng K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo Lê Hồng Khánh, người TGT;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ánh